BỘ NỘI VỤ
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC VÀ THĂNG HẠNG CDNN VIÊN CHỨC NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH VIÊN CHỨC THI MÔN NGOẠI NGỮ CA 03
KỲ THI THĂNG HẠNG CDNN CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2020
Phòng máy số 03, Tầng 2, Nhà D

TT	Họ và tên	Ngày Sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi
		Nam	Nữ					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1	Trần Công Hùng	12/8/1973		**2103**	Phó trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
2	Ninh Đức Hùng	08/12/1970		**2104**	Phó Hiệu trưởng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
3	Đỗ Mạnh Hùng	20/5/1981		**2105**	Phụ trách Công đoàn	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
4	Dương Thanh Hưng	14/02/1975		**2106**	Phó Giám đốc phụ trách	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
5	Đinh Thị Hương		13/11/1979	**2107**	Chuyên viên	Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiếng Anh
6	Lục Thị Thu Hương		16/09/1980	**2109**	Giáo vụ Khoa Điện - Điện tử	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
7	Nguyễn Thị Minh Hương		07/9/1978	**2110**	Trưởng phòng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
8	Trần Thị Lan Hương		21/9/1978	**2111**	Phó Trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
9	Nguyễn Thị Hương		22/3/1977	**2113**	Chuyên viên	Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam		Tiếng Anh
10	Nguyễn Văn Hưởng	22/6/1979		**2114**	Phó Trưởng phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh

TT	Họ và tên	Ngày Sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi
		Nam	Nữ					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
11	Nguyễn Anh Hữu	02/6/1974		**2115**	Giám đốc	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
12	Trần Thị Huyền		10/6/1980	**2117**	Chuyên viên	Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiếng Anh
13	Nguyễn Đăng Khoa	22/5/1977		**2118**	Chuyên viên	Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiếng Anh
14	Bùi Nguyên Khôi	25/4/1972		**2119**	Phó Giám đốc	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
15	Nguyễn Xuân Kiểm	18/4/1978		**2120**	Phó Trưởng phòng	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
16	Vương Đình Kiều	10/3/1977		**2121**	Trưởng phòng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
17	Trương Hoàn Lạc	25/3/1967		**2122**	Giám đốc	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
18	Phạm Thị Lam		06/10/1978	**2123**	Chuyên viên	Đại học Quốc gia Hà Nội		Tiếng Anh
19	Nguyễn Lâm	04/08/1977		**2124**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
20	Hoàng Thị Lan		10/10/1971	**2126**	Trưởng phòng	Thanh tra Chính phủ		Tiếng Anh
21	Vũ Hoàng Lan		18/9/1982	**2127**	Phó Trưởng phòng	Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam		Tiếng Anh
22	Trần Thị Mỹ Linh	19/02/1983		**2130**	Tổ trưởng	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
23	Nguyễn Thị Loan		14/9/1984	**2131**	Chuyên viên	Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam		Tiếng Anh

TT	Họ và tên	Ngày Sinh		Số báo danh	Chức vụ, chức danh công tác	Đơn vị đang làm việc	Được miễn thi ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi
		Nam	Nữ					
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
24	Vũ Thị Minh Lộc		05/9/1972	**2132**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
25	Lê Văn Lộc	02/11/1983		**2133**	Trưởng phòng	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh
26	Lê Thành Lự		08/12/1982	**2135**	Chuyên viên	Bộ Giao thông vận tải		Tiếng Anh
27	Đoàn Thị Lương		14/12/1983	**2136**	Phó Giám đốc	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Tiếng Anh
28	Trần Thị Mai		15/9/1985	**2138**	Chuyên viên	Bộ Nội vụ		Tiếng Anh